

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/12/2022.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Đạt.
2. Ông Lò Văn Cao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Khánh Lựu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30/11/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị C. Sinh năm 1991. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Mạc Văn C1. Sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị C trình bày và yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:**

Tôi (C) và anh Mạc Văn C1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại xã UBND xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (tại Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2012, ngày 01/12/2012). Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc nhưng mấy năm gần đây chúng tôi thường xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là: Hai vợ chồng không còn hiểu nhau, không còn tiếng nói chung, thường xảy cãi vã, chồng tôi thường xuyên nhục mạ, đánh đập tôi, không lo làm ăn để nuôi dạy con cái. Từ tháng 11 năm 2021 đến đầu năm 2022, chúng tôi sống ly thân trong thời gian ngắn, do suy nghĩ đến con cái nên tôi cho anh C1

cơ hội thay đổi để hàn gắn nhưng anh C1 không có sự thay đổi nên đến tháng 3/2022, vợ chồng tôi tiếp tục sống ly thân mỗi người mỗi nhà từ đó đến nay.

Ngoài ra vào ngày 10/3/2022, tôi có gửi đơn khởi kiện ly hôn vì vợ chồng tôi tiếp tục mâu thuẫn gây gât. Trong quá trình giải quyết ly hôn, vợ chồng tôi muốn hòa hợp lại để con cái có đầy đủ tình cảm của bố mẹ nên ngày 22/3/2022, tôi đã làm đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện để về sống chung với nhau. Tuy nhiên, sau đó chúng tôi lại mâu thuẫn lớn hơn trước và anh C1 đã nhiều lần đến chỗ tôi và con ở để quấy rối, chửi mắng, xúc phạm và đe dọa đốt nhà của tôi nên ngày 05/10/2022, tôi đã làm đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân huyện I lần thứ hai để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con cho tôi.

Vào ngày 04 và ngày 05 tháng 11 năm 2022, khi tôi đang ở một mình thì anh C1 xuống nói chuyện nhưng lo sợ anh C1 đánh đập nên tôi đã lên nhà hàng xóm một lúc, sau khi thấy anh C1 đi ra khỏi nhà của tôi thì tôi về lại nhà. Lúc đấy, tôi thấy đồ đạc bị đập phá, xăng đổ ra nhà, quạt bị gãy và anh C1 đã lấy chiếc điện thoại NOKIA của tôi để trong nhà và anh C1 đã dùng điện thoại đó để gọi tất cả số điện thoại liên lạc có trong điện thoại, làm phiền đến tất mọi người.

Vì vậy, tôi thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đến mức tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Mạc Hoàng Thái H, sinh ngày 01/7/2012. Hiện nay cháu Huy đang ở cùng với tôi và tôi là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huy.

Nguyên vọng của tôi là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Mạc Hoàng Thái H, sinh ngày 01/7/2012 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Hoàng Thị C cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Đơn xác nhận mâu thuẫn vợ chồng; 03 giấy xác nhận tình trạng mâu thuẫn hôn nhân; Bảng lương năm 2022 công nhân Hoàng Thị C.

*** Trong bản tự khai anh Mạc Văn C1 trình bày nội dung như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (C1) và chị Hoàng Thị C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại xã UBND xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (tại Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2012, ngày 01/12/2012). Tôi không đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị C vì vợ chồng tôi đang có một đứa con chung.

Bị đơn anh Mạc Văn C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định, anh C1 đã ký nhận văn bản tố tụng nhưng anh C1 vắng mặt không có lý do đối với các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 32/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Mạc Văn C1

+ Về con chung: Giao cháu Mạc Hoàng Thái H, sinh ngày 01/7/2012 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập được. Anh Mạc Văn C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

+ Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Mạc Văn C1, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy anh Mạc Văn C1 là bị đơn có nơi cư trú tại thôn 9, xã Ia Toi, huyện I, tỉnh Kon Tum. Do đó, yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị C là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện I, tỉnh Kon Tum theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn anh Mạc Văn C1 đã được Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[4] Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C và anh Mạc Văn C1 đăng ký kết hôn tại xã UBND xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (tại Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2012, ngày 01/12/2012). Chị C và anh C1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị C và anh Mạc Văn C1 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị C và anh Mạc Văn C1 sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2021 đến đầu năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, do suy nghĩ đến con cái nên chị C cho anh C1 cơ hội thay đổi để hàn gắn nhưng anh C1 không có sự thay đổi nên đến tháng 3/2022, vợ chồng tiếp tục sống ly thân và chị C đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án để yêu cầu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con nhưng sau đó chị C đã rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh C1 (*Tòa án nhân dân huyện I đã Quyết định đình chỉ vụ án dân sự số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2022*) nhưng anh C1 vẫn chứng nào tật ấy nên tình trạng hôn nhân vẫn mâu thuẫn trầm trọng và không có tiến triển gì thêm.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy xác nhận mâu thuẫn vợ chồng của trưởng thôn, Chi hội trưởng phụ nữ thôn 9, xã Ia Tơi, huyện I có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Hoàng Thị C và anh Mạc Văn C1 đã xảy ra cãi vã, đánh đập và nhiều lần được bà con hàng xóm can ngăn, mâu thuẫn trầm trọng, từ tháng 03 năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân với nhau và anh C1 đã qua nhà chị C quấy rối, cãi vã, đập phá đồ dùng trong nhà.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh C1 tại địa chỉ mà chị C đã cung cấp trong đơn khởi kiện. Anh C1 cũng được Tòa án thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị C trong vụ án và anh C1 chỉ cung cấp 01 (*một*) bản tự khai với nội dung không đồng ý ly hôn với chị C vì vợ chồng anh chị đang có một đứa con. Tiếp tục, Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C1 không cung cấp ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ

vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại các Điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Mọi hậu quả pháp lý từ việc vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình, anh C1 phải tự chịu. Hành động của anh C1 còn cho thấy anh C1 không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình cùng chị C. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh C1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị C là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau chị Hoàng Thị C và anh Mạc Văn C1 có con chung là Mạc Hoàng Thái H, sinh ngày 01/7/2012.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai anh Mạc Văn C1 không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Do chị Hoàng Thị C và anh Mạc Văn C1 chưa thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị C có cung cấp cho Hội đồng xét xử các chứng cứ về khả năng tài chính, thu nhập hàng tháng, chỗ ở để đảm bảo về mọi mặt thiết yếu chính đáng cho con, mặt khác cháu Mạc Hoàng Thái H đã sống cùng với chị C và nguyện vọng của cháu khi bố mẹ ly hôn là sống với mẹ, do vậy quyết định giao cho chị Hoàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mạc Hoàng Thái H cho đến khi con đủ 18 tuổi là đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, phù hợp với tâm sinh lý phát triển bình thường của cháu.

Chị C không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh C1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I đưa ra các tình tiết của vụ án, quan điểm, hướng giải quyết vụ án và ý kiến về việc Thẩm phán, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hoàng Thị C. Xét quan điểm trên của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 91, Điều 96 ; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Hoàng Thị C, đơn đề ngày 10/5/2022.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Mạc Văn C1.

- **Về con chung:** Giao con chung Mạc Hoàng Thái H, sinh ngày 01/7/2012 cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Mạc Văn C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Mạc Văn C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004231 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Kon Tum. Chị C đã nộp đủ án phí.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/12/2022) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND huyện I;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- UBND x. T; h. Q, t. Thanh Hóa;
- Chi cục THA dân sự huyện I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**